

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Quý I năm 2026)

(Báo cáo theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM (“QUỸ”)

1. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính Quý I năm 2026 của Quỹ, tính đến ngày 31/03/2026, tổng giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ giảm 0,57 (%) so với giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu kỳ báo cáo 31/12/2025, giá NAV trên một Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) giảm 0,58 (%) so với đầu kỳ.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ áp dụng nguyên tắc đầu tư thận trọng với chiến lược đầu tư giá trị. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ dựa trên tiêu chí nâng cao động lực tăng trưởng cho giá trị tài sản đầu tư theo quy trình chấp nhận rủi ro hợp lý.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ trọng đầu tư 100% vào cổ phiếu. Khi nền kinh tế có những biến động bất lợi, Quỹ có thể nắm giữ giá trị tài sản ròng dưới hình thức tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tài sản có thu nhập cố định để giảm thiểu rủi ro, phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư theo Điều 10 Điều lệ Quỹ.

Để đạt được mục tiêu đầu tư, Quỹ thực hiện đa dạng hóa danh mục vào hầu hết các ngành nghề. Tùy vào đặc điểm của chu kỳ kinh tế, thay đổi trong cơ cấu kinh tế và môi trường kinh doanh mà Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội phát sinh để tập trung nắm giữ một số doanh nghiệp thuộc một vài ngành nghề nhất định trong một khoảng thời gian nhất định.

Các doanh nghiệp mục tiêu của Quỹ là những doanh nghiệp niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, có nền tảng tốt, tỷ lệ chi trả cổ tức cao và tiềm năng tăng trưởng tốt.

4. Phân loại Quỹ

Loại hình: Quỹ mở.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Không giới hạn.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình đến cao.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 194.102.370.025 đồng, tương ứng với 14.544.858,20 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

- Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư nếu:
 - Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - Quỹ đã trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý quỹ và phải được Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo

Quỹ không phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

Chỉ tiêu	31/03/2026 (%)	31/12/2025 (%)	30/09/2025 (%)
Danh mục cổ phiếu	87,38	88,98	88,48
Tiền và tương đương tiền	6,10	5,83	6,54
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ ba (03) tháng trở lên	5,61	4,05	3,95
Tài sản khác	0,91	1,14	1,03
Cộng	100,00	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	31/03/2026	31/12/2025	30/09/2025
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	194.102.370.025	195.211.225.935	201.858.045.978
2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	14.544.858,20	14.542.602,78	14.471.475,14
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND)	13.345,09	13.423,40	13.948,68
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	14.402,89	14.447,70	14.620,26
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	12.653,35	12.805,21	12.047,84
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(0,58)	(3,77)	15,81
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	(2,36)	(5,62)	11,51
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	1,78	1,85	4,30
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.11. Phân phối ròng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

- C.T.
 NGUYỄN VĂN PHÂN
 CHỦ QUẢN
 ỦY BAN QUẢN TRỊ
 - T. PHÓ

trên 1 đơn vị CCQ			
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,39	2,43	2,37
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	149,32	143,77	127,62

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	(0,58)	(0,58)
3 năm	32,32	9,78
Từ khi thành lập	33,45	8,97
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không áp dụng	Không áp dụng

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	31/03/2026	31/03/2025
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(0,58)	12,89

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

GDP quý I/2026 ước tăng 7,83% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2025 tăng 7,07%) đây cũng là một tín hiệu khá tích cực trong bối cảnh xung đột leo thang tại Trung Đông. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế. Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31-3 đạt 15,2 tỉ USD, tăng 42,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó vốn FDI thực hiện trong quý đạt khoảng 5,4 tỉ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là một tín hiệu khá tốt cho thấy nguồn vốn đang có xu hướng tập trung sang quốc gia có nền kinh tế chính trị ổn định và chi phí nhân công cạnh tranh so với các quốc gia cùng khu vực. Tuy nhiên, lạm phát tháng 3/2026 được ghi nhận là cao nhất trong 5 năm qua, CPI tháng 3 tăng 1,23% so với tháng trước và tăng 4,65% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2026, CPI tăng 3,51% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng đột biến nêu trên chủ yếu bắt nguồn từ những diễn biến phức tạp của xung đột tại Trung Đông. Tình trạng này không chỉ đẩy giá xăng dầu và nguyên nhiên vật liệu đầu vào lên cao mà còn gây ra sự đứt gãy trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Đây được xác định là những rủi ro tiềm ẩn, gây áp lực trực tiếp lên hoạt động vận hành của toàn nền kinh tế trong quý II/2026.

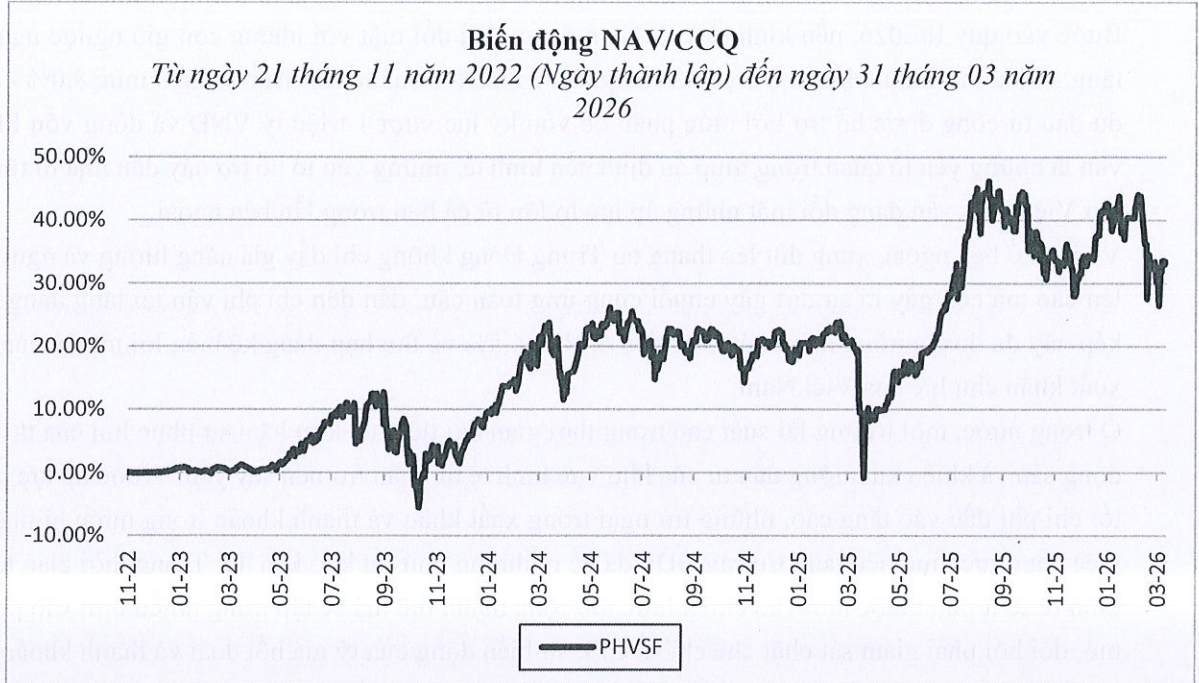
IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	5,83	15,55
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	(6,41)	17,90

Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	(0,58)	33,45
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	(0,58)	8,97
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	N/a	N/a
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	N/a	N/a

- Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ



- Thay đổi giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	31/03/2026 (VND) (1)	31/12/2025 (VND) (2)	Tỷ lệ thay đổi (%) (3)=((1)-(2))/(2)
NAV của Quỹ	194.102.370.025	195.211.225.935	(0,57)
NAV/CCQ	13.345,09	13.423,40	(0,58)

Trong giai đoạn từ 31/12/2025 đến 31/03/2026. NAV của Quỹ giảm 0,57% và NAV/CCQ giảm 0,58% trong cùng giai đoạn do sự biến động giá của danh mục chứng khoán và phát hành thêm Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	905	182.539,96	1,26
Từ 5.000 đến 10.000	4	29.593,73	0,20
Từ 10.000 đến 50.000	7	100.142,93	0,69

Từ 50,000 đến 500,000	4	411.472,60	2,83
Trên 500,000	5	13.821.108,98	95,02
Tổng cộng	925	14.544.858,20	100,00%

3. Chi phí ngân và giảm giá

Không có.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Bước vào quý II/2026, nền kinh tế Việt Nam đang phải đối mặt với những cơn gió ngược ngày càng gia tăng, nhiều thách thức lớn cho mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm đầy tham vọng ở mức 8,0% - 8,8%. Mặc dù đầu tư công được hỗ trợ bởi mức phân bổ vốn kỷ lục vượt 1 triệu tỷ VNĐ và dòng vốn FDI ổn định vẫn là những yếu tố quan trọng giúp ổn định nền kinh tế, những yếu tố hỗ trợ này dần mất đi tính hiệu quả khi Việt Nam vẫn đang đối mặt những áp lực to lớn từ cả bên trong lẫn bên ngoài.

Về yếu tố bên ngoài, xung đột leo thang tại Trung Đông không chỉ đẩy giá năng lượng và nguyên vật liệu lên cao mà còn gây ra sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, dẫn đến chi phí vận tải tăng đáng kể. Cú sốc kép này đe dọa ngưỡng lạm phát mục tiêu 4,0% - 4,5% và thu hẹp đáng kể biên lợi nhuận của các ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.

Ở trong nước, môi trường lãi suất cao trong thời gian dài tiếp tục kìm hãm sự phục hồi của thị trường bất động sản và khiến xu hướng đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân trở nên suy yếu. Trước áp lực của các yếu tố: chi phí đầu vào tăng cao, những trở ngại trong xuất khẩu và thanh khoản trong nước bị thắt chặt hơn, việc đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP đã đề ra dường như rất khó khả thi. Trong thời gian tới, quỹ đạo kinh tế sẽ ít phụ thuộc hơn vào chiến lược mở rộng mạnh mẽ mà sẽ tập trung nhiều hơn vào phòng thủ vĩ mô, đòi hỏi phải giám sát chặt chẽ chỉ số CPI, sự biến động của tỷ giá hối đoái và thanh khoản hệ thống.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.

Kính báo cáo và trân trọng./,

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: HTNV

CTCP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

TỔNG GIÁM ĐỐC *h*

